

Bản án số: 16/2024/LĐ-ST
Ngày: 16-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trịnh Minh Tường.
- Bà Nguyễn Thị Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trúc Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2024/TLST-LĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp về hợp đồng lao động” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-LĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2024/QĐST-LĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị D, sinh năm 1975; Cư trú tại: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Công ty TNHH S; địa chỉ trụ sở chính: số H, đường số A, khu dân cư C, Phường G, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ nhà máy S1: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Dương Quang M, chức danh: Giám đốc (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ: số C, đường Q, khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị B, chức vụ: Giám đốc (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/3/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị D trình bày:

Công ty TNHH S ký hợp đồng lao động với chị theo Hợp đồng lao động số 04/HĐLĐ-ACTN ngày 01/7/2022 từ ngày 01/7/2022 đến ngày 30/6/2025 (hợp đồng 3 năm), hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01/7/2022 với mức lương cơ bản làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là 4.500.000 đồng/tháng, công việc được giao: công nhân Nhà máy Á. Công ty đã trừ lương để đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, đóng bảo hiểm thất nghiệp nhưng Công ty chỉ đóng bảo hiểm 3 tháng gồm: Tháng 7 tháng 8, tháng 9 năm 2022 và từ tháng 10/2022 cho đến tháng 12/2023 công ty không đóng nhưng vẫn trừ tiền bảo hiểm trong tiền lương hàng tháng nên chị không được hưởng quyền lợi từ Quỹ bảo hiểm xã hội. Ngoài ra, Công ty còn nợ tiền lương của chị gồm: Tiền lương và các khoản phụ cấp của tháng 10 năm 2023 là 6.438.000 đồng, tháng 11 năm 2023 là 6.291.000 đồng, tháng 12 năm 2023 số tiền là 1.920.000 đồng; tổng cộng 14.649.000 đồng. Công ty hẹn trả tiền lương vào ngày 15/12/2023 nhưng Công ty vẫn không trả cho chị. Công ty đóng cửa không hoạt động từ tháng 12/2023.

Chị D yêu cầu Công ty TNHH S phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho chị D vào quỹ bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2023, mức đóng căn cứ mức lương theo hợp đồng lao động là 4.500.000 đồng/tháng; yêu cầu Công ty TNHH S có nghĩa vụ thanh toán tiền lương tháng 10, 11 và 12/2023 là 14.649.000 đồng (mười bốn triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng), chị không yêu cầu tính tiền lãi.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – Công ty TNHH S đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng công ty không đến Tòa án để làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh bà Trần Thị B đại diện trình bày:

Công ty TNHH S có đăng ký tham gia bảo hiểm cho người lao động là chị Võ Thị D tại Bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh từ tháng 7/2022 đến tháng 12/2023 theo mức lương tính đóng bảo hiểm là 4.500.000 đồng/tháng. Hiện tại,

Công ty S còn nợ tiền bảo hiểm của người lao động (trong đó có chị Võ Thị D) làm việc tại nhà máy sản xuất của công ty N, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh tính đến tháng 5/2024 là 725.975.564 đồng. Do đó, Bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh yêu cầu Công ty S đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội và tiền lãi chậm nộp theo quy định để người lao động được hưởng quyền lợi bảo hiểm trong thời gian làm việc tại doanh nghiệp.

Tại phiên tòa:

- Ý kiến của nguyên đơn: Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Đã được triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần thứ 2 vẫn vắng mặt không lý do.

- Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa;

+ Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị D đối với Công ty TNHH S về việc “Tranh chấp về hợp đồng lao động”.

Buộc Công ty TNHH S trả cho chị Võ Thị Dân s tiền 14.649.000 đồng;

Công ty TNHH S phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho chị Võ Thị D từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2023 căn cứ trên mức lương theo hợp đồng lao động là 4.500.000 đồng/tháng và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho chị D theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Công ty TNHH S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

+ Về kiến nghị khắc phục: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn Công ty TNHH S đã được triệu tập hợp lệ

lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[2.1] Về tiền lương:

Căn cứ vào Hợp đồng lao động số 04/HĐLĐ-ACTN ngày 01/7/2022 giữa chị **D** và **Công ty S** có cơ sở xác định giữa chị **D** và **Công ty S** có quan hệ lao động.

Theo kết quả xác minh của Tòa án đối với người lao động của **Công ty S** và căn cứ vào các Bảng lương tháng 10/2023 và tháng 11/2023 của **Nhà máy Á** do Phó Giám đốc **Cao Minh H** và kế toán **Đinh Thị Kim T** ký, có cơ sở xác định rằng vào tháng 10, 11 và 12/2023 chị **D** có làm việc tại nhà máy sản xuất của **Công ty S** địa chỉ **ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh**.

Tại thời điểm nhà máy của **Công ty S** đóng cửa ngưng hoạt động vào tháng 12/2023, chị **D** và nhiều người lao động khác chưa được **Công ty S** thanh toán tiền lương của tháng 10, 11 và 12/2023. Qua Bảng lương tháng 10/2023 và tháng 11/2023 thể hiện tiền lương mà **Công ty S** nợ chị **D** tháng 10/2023 là 6.438.000 đồng, tháng 11/2023 là 6.291.000 đồng. Đối với tiền lương tháng 12/2023, nguyên đơn trình bày do chị **D** chỉ làm việc cho **công ty A** ngày nên số tiền lương là 1.920.000 đồng, lời trình bày này của chị **D** phù hợp với thời điểm nhà máy của **Công ty S** ngưng hoạt động vào tháng 12/2023.

Đối với bị đơn là **Công ty TNHH S**, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ và vắng mặt không có lý do. Như vậy, **Công ty S** đã từ bỏ quyền chứng minh của mình. Do đó, có cơ sở xác định **Công ty S** còn nợ tiền lương chưa thanh toán cho chị **D** từ tháng 10 đến tháng 12/2023 là 14.649.000 đồng.

[2.2] Về tiền bảo hiểm:

Theo Hợp đồng lao động số 04/HĐLĐ-ACTN ngày 01/7/2022 giữa chị **D** và **Công ty S** thì các bên thỏa thuận chế độ bảo hiểm của người lao động theo quy định của Nhà nước ban hành.

Nguyên đơn trình bày **Công ty S** đã trừ tiền bảo hiểm của chị **D** là 473.000 đồng/tháng. Lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với thông tin do **Bảo hiểm xã**

hội huyện T, tỉnh Tây Ninh cung cấp là Công ty S đăng ký tham gia bảo hiểm cho chị D từ tháng 7/2022 đến tháng 12/2023, Công ty S chưa đóng tiền bảo hiểm cho chị D vào quỹ bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh từ tháng 10/2023 đến tháng 12/2023.

Căn cứ quy định tại Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội, trách nhiệm của người sử dụng lao động là đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 86 và hằng tháng phải trích từ lương của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật này để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội. Như vậy, Công ty S đã không thực hiện đúng nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội của người sử dụng lao động để người lao động được hưởng quyền lợi bảo hiểm theo quy định. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị D về tiền bảo hiểm là có cơ sở.

[2.3] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị D đối với Công ty S. Buộc Công ty S có nghĩa vụ thanh toán cho chị D tiền lương còn nợ của các tháng 10, 11 và 12/2023 tổng cộng là 14.649.000 đồng (mười bốn triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng). Chị D không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Buộc Công ty S phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho chị D vào quỹ bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2023, mức đóng căn cứ mức lương theo hợp đồng lao động là 4.500.000 đồng/tháng, số tiền phải đóng và tiền lãi chậm đóng thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

[3] Về án phí: Công ty TNHH S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 14.649.000 đồng phải thanh toán cho bà D và 300.000 đồng về nghĩa vụ nộp tiền bảo hiểm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 90, 95 của Bộ luật Lao động; các Điều 21, 85, 86, 89 Luật Bảo hiểm xã hội; các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị D đối với Công ty TNHH S về việc “Tranh chấp về hợp đồng lao động”.

1.1. Buộc Công ty TNHH S có nghĩa vụ thanh toán cho chị Võ Thị D tiền lương tháng 10, 11 và 12/2023 là 14.649.000 đồng (mười bốn triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng). Ghi nhận chị Võ Thị D không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày chị Võ Thị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH S không thi hành số tiền trên thì hàng tháng Công ty TNHH S còn phải trả cho chị Võ Thị Dân s tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.2. Buộc Công ty TNHH S phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho chị Võ Thị D vào quỹ bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2023, mức đóng căn cứ mức lương theo hợp đồng lao động là 4.500.000 đồng/tháng, số tiền phải đóng và tiền lãi chậm đóng thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH S phải chịu 739.000 đồng (bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**